

**PHỤ LỤC 4: THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
12 THÁNG NĂM 2020**

(Đính kèm Công văn số **328** /UBND-KT ngày **01** tháng **02** năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	102.048.059	84.290.059	82,60	109,63
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	93.354.914	78.415.301	84,00	106,71
I	Chi đầu tư phát triển	36.103.906	40.862.899	113,18	133,69
1	Chi đầu tư cho các dự án		27.173.466		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		1.566.124		
3	Chi đầu tư phát triển khác		413.042		
4	Chi chuyển nguồn vốn đầu tư năm trước sang		11.710.267		105,94
III	Chi thường xuyên	46.650.000	36.352.797	77,93	97,19
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	15.980.921	11.707.505	73,26	93,36
2	Chi khoa học và công nghệ	1.036.705	1.052.135	101,49	115,04
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.150.070	2.377.898	75,49	79,35
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	510.159	438.091	85,87	92,85
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	73.215	57.107	78,00	109,40
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	568.753	401.960	70,67	96,42
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	4.249.827	3.140.318	73,89	95,98
8	Chi sự nghiệp kinh tế	7.514.176	5.681.120	75,61	117,90
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	8.266.842	6.602.389	79,87	91,85
10	Chi bảo đảm xã hội	2.978.367	3.285.736	110,32	122,97
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.607.948	1.188.205	73,90	106,41
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400	11.400	100,00	100,00
V	Dự phòng ngân sách	3.500.000		0,00	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
VI	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	6.287.938			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	8.693.145	5.874.758	67,58	172,79
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	0			
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	8.198.552	5.384.762	65,68	188,57
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	494.593	489.996	99,07	90,00
C	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ CHI QUA NGÂN SÁCH				

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ